

ETS 5 TESTS – SCRIPT & TRANS - PART 1 - TEST 01

<p>11. (M-Au) Where's the shoe department? (W-Am) (A) On the second floor. (B) Twenty-five dollars. (C) At eleven thirty.</p>	<p>11. Bộ phận giày dép ở đâu? (A) Ở tầng 2. (B) 25 đô la. (C) Lúc 11 giờ 30.</p>
<p>12. (M-Cn) Did you speak to Alan or his assistant? (W-Br) (A) Yes, he does. (B) His assistant. (C) The meeting's over.</p>	<p>12. Bạn đã nói chuyện với Alan hay là trợ lí của ông ấy? (A) Đúng vậy. (B) Trợ lí của ông ấy. (C) Cuộc họp đã kết thúc.</p>
<p>13. (W-Am) Is this seat taken? (M-Au) (A) Oh, I see. (B) No, it's not. (C) I'll take two, please.</p>	<p>13. Chỗ này có ai ngồi chưa? (A) Ồ, tôi hiểu rồi. (B) Chưa, không có ai ngồi cả. (C) Tôi sẽ lấy 2 cái.</p>
<p>14. (W-Br) How often do you travel to New York? (M-Au) (A) Every Tuesday. (B) By bus. (C) With some friends.</p>	<p>14. Bạn có thường tới New York không? (A) Mỗi thứ Ba. (B) Bằng xe buýt. (C) Với một vài người bạn.</p>
<p>15. (M-Cn) Why don't you join us for lunch? (W-Am) (A) The coffee shop. (B) Thanks, I'd like that. (C) A sandwich.</p>	<p>15. Bạn có muốn ăn trưa cùng chúng tôi không? (A) Tiệm cà phê. (B) Cảm ơn bạn, tôi đồng ý. (C) Một cái sandwich.</p>
<p>16. (M-Au) Who signed the letter? (M-Cn) (A) In the cabinet. (B) A couple of times. (C) Ms. Jin did.</p>	<p>16. Ai đã kí vào lá thư? (A) Ở trong tủ. (B) Một vài lần. (C) Là cô Jin.</p>

<p>17. (W-Am) You're training the new employees, aren't you?</p> <p>(W-Br) (A) That's right. (B) John was hired in March. (C) No, it's brand-new.</p>	<p>17. Bạn đang đào tạo nhân viên mới phải không?</p> <p>(A) Đúng vậy. (B) John đã được tuyển hồi tháng 3. (C) Không, nó hoàn toàn mới.</p>
<p>18. (M-Cn) When is your report due?</p> <p>(M-Au) (A) I'll have another. (B) Sixteen pages. (C) Next Thursday.</p>	<p>18. Khi nào thì báo cáo của bạn đến hạn nộp?</p> <p>(A) Tôi sẽ có cái khác. (B) 16 trang. (C) Thứ Năm tuần sau.</p>
<p>19. (W-Br) How long did you live in Japan?</p> <p>(M-Cn) (A) About five years. (B) In Kyoto. (C) Yes, I did.</p>	<p>19. Bạn đã sống ở Nhật Bản trong bao lâu?</p> <p>(A) Khoảng 5 năm. (B) Ở Kyoto. (C) Đúng vậy.</p>
<p>20. (W-Am) I have an appointment with Dr. Costa.</p> <p>(W-Br) (A) I'll tell her you're here. (B) He left it at home. (C) Because that's enough time.</p>	<p>20. Tôi có một cuộc hẹn với bác sĩ Costa.</p> <p>(A) Tôi sẽ nói với bà ấy là bạn đang ở đây. (B) Anh ấy đã để nó ở nhà. (C) Vì không có đủ thời gian.</p>
<p>21. (W-Am) Why weren't you at work yesterday?</p> <p>(M-Au) (A) By nine A.M. (B) Mr. Tanaka is. (C) I was at a conference.</p>	<p>21. Tại sao hôm qua bạn không đi làm?</p> <p>(A) Trước 9 giờ sáng. (B) Là ông Tanaka. (C) Tôi đã tham dự hội nghị.</p>
<p>22. (M-Cn) Hasn't the outgoing mail been picked up yet?</p> <p>(W-Br) (A) I can give you a ride. (B) Not that I know of. (C) Usually by express mail.</p>	<p>22. Những mail gửi đi đã được nhận chưa?</p> <p>(A) Tôi có thể cho bạn đi quá giang. (B) Theo tôi biết thì chưa. (C) Thường là bằng mail gửi nhanh.</p>
<p>23. (M-Au) Could you take notes for me at tomorrow's seminar?</p> <p>(W-Am) (A) Thanks you. (B) Room twenty-seven. (C) Sure, I can do that.</p>	<p>23. Bạn có thể ghi chú giúp tôi tại hội thảo chuyên đề ngày mai không?</p> <p>(A) Cảm ơn bạn. (B) Phòng 27. (C) Được, tôi có thể làm việc đó.</p>

<p>24. (W-Br) What was in that large package? (M-Cn) (A) It arrived last week, I think. (B) I found it in the hall. (C) The desk lamps that I ordered.</p>	<p>24. Có cái gì ở trong bưu kiện to đùng đó? (A) Tôi nghĩ nó đã đến đây hồi tuần trước. (B) Tôi tìm thấy nó ở sảnh. (C) Những cái đèn bàn mà tôi đã đặt.</p>
<p>25. (W-Am) Do you have time to help me later? (M-Au) (A) Yes, she's over there. (B) Sorry, I'm busy all day. (C) My watch is broken.</p>	<p>25. Tí nữa bạn có thời gian giúp tôi không? (A) Có, cô ấy ở đằng kia. (B) Xin lỗi, tôi bận rộn cả ngày. (C) Đồng hồ của tôi bị vỡ.</p>
<p>26. (M-Cn) We're running out of paper for the copy machine. (W-Am) (A) How many cups would you like? (B) I'll get some more this afternoon. (C) He's much faster than I am.</p>	<p>26. Chúng ta đã hết giấy in. (A) Bạn muốn bao nhiêu cốc? (B) Tôi sẽ đi lấy một ít vào chiều nay. (C) Anh ấy nhanh hơn tôi nhiều.</p>
<p>27. (M-Au) Where will the interview take place? (W-Br) (A) It hasn't been decided. (B) Some résumés. (C) Yes, that must be it.</p>	<p>27. Buổi phỏng vấn sẽ diễn ra ở đâu? (A) Việc đó chưa được quyết định. (B) Một vài bản lí lịch. (C) Phải, chính là nó.</p>
<p>28. (W-Am) Aren't the painters coming today? (M-Cn) (A) The entire office. (B) No, they had to reschedule. (C) He does enjoy painting.</p>	<p>28. Hôm nay các thợ sơn không đến sao? (A) Toàn bộ văn phòng. (B) Không, họ phải sắp xếp lại lịch. (C) Anh ấy rất thích vẽ tranh.</p>
<p>29. (W-Br) Could you direct me to the accounting office? (M-Au) (A) Several forms and documents. (B) I'm not sure where I put it. (C) Sure, just a moment, please.</p>	<p>29. Bạn có thể chỉ tôi đến văn phòng kế toán được không? (A) Một vài mẫu đơn và tài liệu. (B) Tôi không chắc là tôi để chúng ở đâu. (C) Chắc chắn rồi, đợi tôi một chút.</p>
<p>30. (M-Cn) My flight leaves at one o'clock. (W-Br) (A) Where did you leave it? (B) Once or twice. (C) That's rather soon.</p>	<p>30. Chuyến bay của tôi cất cánh lúc 1 giờ. (A) Bạn đã để nó ở đâu? (B) Một hoặc 2 lần. (C) Giờ đó khá là sớm.</p>

<p>31. (M-Au) What's the best way to get to the airport?</p> <p>(W-Am) (A) I'd take the train. (B) Yes, it's very good. (C) Next to the telephone.</p>	<p>31. Cách tốt nhất để đến sân bay là gì?</p> <p>(A) Tôi sẽ đi tàu hỏa. (B) Đúng vậy, nó rất tốt. (C) Bên cạnh điện thoại.</p>
<p>32. (M-Au) Can you review my paperwork soon?</p> <p>(M-Cn) (A) A different assignment. (B) It's a really nice view. (C) Yes, I'll be able to at four o'clock.</p>	<p>32. Bạn có thể xem qua các giấy tờ công việc của tôi sớm không?</p> <p>(A) Một sự phân công khác. (B) Nó quả thật là cảnh tuyệt đẹp. (C) Được, tôi sẽ xem qua lúc 4 giờ.</p>
<p>33. (W-Br) How can we increase our sales?</p> <p>(M-Au) (A) Your total is fifty-seven dollars. (B) Let's ask the marketing department. (C) No, that's not included.</p>	<p>33. Làm cách nào để chúng ta có thể tăng doanh số bán hàng?</p> <p>(A) Tổng tiền của bạn là 57 đô la. (B) Chúng ta hãy hỏi bộ phận tiếp thị. (C) Không, nó không được tính vào.</p>
<p>34. (M-Cn) Do you offer discounts on theater tickets?</p> <p>(W-Br) (A) Only for students. (B) We accept credit cards. (C) A wonderful play.</p>	<p>34. Bạn có khuyến mãi giảm giá trên các vé đến nhà hát không?</p> <p>(A) Chỉ dành cho sinh viên. (B) Chúng tôi chấp nhận thẻ tín dụng. (C) Một vở kịch tuyệt vời.</p>
<p>35. (M-Au) When will the article be published?</p> <p>(W-Am) (A) On the Web site. (B) For a few months. (C) After it's been edited.</p>	<p>35. Khi nào thì bài báo sẽ được xuất bản?</p> <p>(A) Trên trang web. (B) Suốt vài tháng. (C) Sau khi nó được biên tập.</p>
<p>36. (W-Br) Do you want to eat at the Italian restaurant or the Chinese one?</p> <p>(M-Cn) (A) I haven't bought any yet. (B) It's up to you. (C) It was delicious.</p>	<p>36. Bạn muốn ăn tại nhà hàng Ý hay là nhà hàng Trung Quốc?</p> <p>(A) Tôi chưa mua cái nào cả. (B) Tùy bạn quyết định. (C) Nó thật ngon miệng.</p>

<p>37. (W-Am) Why is there an extra chair in your office?</p> <p>(M-Au) (A) Yes, you can. (B) We needed it for a meeting. (C) From eight to eleven.</p>	<p>37. Tại sao lại có thêm 1 cái ghế trong văn phòng của bạn?</p> <p>(A) Đúng vậy, bạn có thể. (B) Chúng tôi đã dùng nó trong cuộc họp. (C) Từ 8 giờ đến 11 giờ.</p>
<p>38. (M-Cn) Who will be the first speaker?</p> <p>(W-Am) (A) Let me check the program. (B) Any time will be OK. (C) Could I have a second one?</p>	<p>38. Ai sẽ là diễn giả đầu tiên?</p> <p>(A) Để tôi kiểm tra chương trình. (B) Lúc nào cũng được. (C) Tôi có thể có cái thứ hai không?</p>
<p>39. (M-Au) You rented a car, didn't you?</p> <p>(W-Am) (A) Only if it's not too expensive. (B) No, they finished already. (C) Just for a part of the trip.</p>	<p>39. Có phải bạn đã thuê một chiếc xe hơi không?</p> <p>(A) Chỉ khi nào nó không quá đắt. (B) Không, họ đã hoàn thành nó rồi. (C) Chỉ dành cho một phần chuyến đi.</p>
<p>40. (W-Br) We need to hire another software engineer.</p> <p>(M-Cn) (A) Where should I advertise the position? (B) I got it fixed yesterday. (C) He works in human resources.</p>	<p>40. Chúng ta cần phải thuê một kỹ sư phần mềm khác.</p> <p>(A) Tôi nên quảng cáo vị trí này ở đâu đây? (B) Hôm qua tôi đã mang nó đi sửa. (C) Anh ấy làm việc ở mảng nhân sự.</p>

ETS 1200 – SCRIPT & TRANS – PART 2 – TETS 02

<p>11. (W-Am) Can I make an appointment for Monday?</p> <p>(M-Cn) (A) It's over there. (B) Yes, you can. (C) Dr. Kosta.</p>	<p>11. Tôi có thể đặt một cuộc hẹn vào thứ Hai không?</p> <p>(A) Nó ở đằng kia. (B) Vâng, bạn có thể. (C) Bác sĩ Kosta.</p>
<p>12. (W-Br) How many employees do you have?</p> <p>(W-Am) (A) About five hundred. (B) I've been here a while. (C) We're based in Sydney.</p>	<p>12. Bạn có bao nhiêu nhân viên?</p> <p>(A) Khoảng 500. (B) Tôi đã ở đây được 1 lúc. (C) Chúng tôi có trụ sở ở Sydney.</p>
<p>13. (M-Cn) When will the editorial assistant start work?</p> <p>(W-Br) (A) All of them. (B) Sometime in April. (C) There were some errors.</p>	<p>13. Khi nào thì trợ lý biên tập bắt đầu công việc?</p> <p>(A) Tất cả họ. (B) Đầu đó trong tháng Tư. (C) Đã có một vài lỗi.</p>
<p>14. (W-Am) Would you like me to bring your soup now, or later?</p> <p>(M-Cn) (A) She'll meet us later. (B) Now would be fine. (C) Let's try another restaurant.</p>	<p>14. Bạn muốn tôi bạn súp đến cho bạn ngay bây giờ hay là một lúc nữa?</p> <p>(A) Cô ấy sẽ gặp chúng ta sau. (B) Bây giờ thì tốt. (C) Hãy thử đến một nhà hàng khác.</p>
<p>15. (M-Cn) Where is the light switch for this room?</p> <p>(M-Au) (A) Thanks, but it isn't heavy. (B) I'd prefer not to switch. (C) It's next to the door.</p>	<p>15. Công tắc đèn của phòng này nằm ở đâu vậy?</p> <p>(A) Cảm ơn bạn, nhưng nó không nặng. (B) Tôi không thích đổi chỗ. (C) Nó ở bên cạnh cửa ra vào.</p>
<p>16. (W-Am) You submitted the travel expenses, didn't you?</p> <p>(W-Br) (A) I'm not checking any luggage. (B) That's expensive. (C) Yes, this morning.</p>	<p>16. Bạn đã nộp thống kê chi tiêu đi lại phải không?</p> <p>(A) Tôi không kiểm tra hành lý nào cả. (B) Nó thì đắt. (C) Đúng vậy, hồi sáng nay.</p>

<p>17. (W-Am) Do you want me to keep these reports, or leave them with you?</p> <p>(M-Cn) (A) A through Z. (B) I'll take them. (C) Mr. Tsang left.</p>	<p>17. Bạn có muốn tôi giữ những báo cáo này không, hay là tôi để nó lại cho bạn?</p> <p>(A) Từ A đến Z. (B) Tôi sẽ lấy chúng. (C) Ông Tsang đã để lại.</p>
<p>18. (W-Br) How long will the food take to arrive?</p> <p>(M-Cn) (A) It should be here soon. (B) Around the corner. (C) Enough for six.</p>	<p>18. Mất bao lâu thì đồ ăn sẽ đến?</p> <p>(A) Nó sẽ đến sớm thôi. (B) Xung quanh góc đường. (C) Đủ cho 6 người.</p>
<p>19. (W-Am) Why don't we meet at the front entrance?</p> <p>(M-Au) (A) That's a good idea. (B) But I've already sent it. (C) Take a look in the back.</p>	<p>19. Chúng ta hãy gặp nhau ở cửa trước nhé?</p> <p>(A) Đó là một ý kiến hay. (B) Nhưng tôi đã gửi nó đi rồi. (C) Hãy nhìn đằng sau kia.</p>
<p>20. (W-Br) We finalized the contract last night.</p> <p>(M-Cn) (A) Congratulations! (B) Not until next month. (C) It's an updated contact list.</p>	<p>20. Chúng tôi đã chốt hợp đồng vào tối qua.</p> <p>(A) Chúc mừng bạn! (B) Không cho đến tháng sau. (C) Đó là danh sách liên hệ được cập nhật.</p>
<p>21. (W-Am) Which company developed this software?</p> <p>(W-Br) (A) No, it's too difficult. (B) I'll look it up. (C) Quite recently.</p>	<p>21. Công ty nào đã phát triển phần mềm này?</p> <p>(A) Không, nó quá khó. (B) Tôi sẽ tìm hiểu. (C) Khá là gần đây.</p>
<p>22. (M-Au) I'll be working late at the office tonight.</p> <p>(W-Am) (A) The new design. (B) Sorry I'm late. (C) Until when?</p>	<p>22. Tối nay tôi sẽ làm việc trễ tại văn phòng.</p> <p>(A) Bản thiết kế mới. (B) Xin lỗi, tôi đến trễ. (C) Đến khi nào?</p>
<p>23. (W-Br) Has the flight to Denver left yet?</p> <p>(M-Au) (A) The window to your left. (B) Just two tickets. (C) No, it's still boarding.</p>	<p>23. Chuyến bay đến Denver đã khởi hành chưa?</p> <p>(A) Cửa sổ phía bên trái bạn. (B) Chỉ 2 vé thôi. (C) Chưa, nó vẫn đang chờ khách.</p>

<p>24. (M-Cn) Who's scheduled to use the projector?</p> <p>(W-Am) (A) No one right now. (B) An interesting project. (C) On the ground floor.</p>	<p>24. Ai được sắp xếp sử dụng máy chiếu này?</p> <p>(A) Hiện giờ thì không có ai cả. (B) Một dự án thú vị. (C) Ở tầng trệt.</p>
<p>25. (W-Br) Why is this form incomplete?</p> <p>(M-Cn) (A) I couldn't find all the information. (B) He's my former boss. (C) Sarah would like another copy.</p>	<p>25. Tại sao mẫu đơn này lại chưa hoàn thành?</p> <p>(A) Tôi không thể tìm thấy toàn bộ thông tin. (B) Ông ấy là sếp trước của tôi. (C) Sarah muốn một bản sao khác.</p>
<p>26. (M-Au) What topics were covered at yesterday's meeting?</p> <p>(W-Br) (A) We discussed our sales goals. (B) Was a cover letter included? (C) I'm looking forward to it.</p>	<p>26. Những chủ đề nào đã được bàn tới tại buổi họp hôm qua?</p> <p>(A) Chúng tôi đã thảo luận về những mục tiêu bán hàng. (B) Thư xin việc có được bao gồm không? (C) Tôi đang mong đợi điều đó.</p>
<p>27. (W-Am) Please bring twelve copies of the agenda.</p> <p>(M-Au) (A) It's actually at four thirty. (B) There's an import tax. (C) OK, I'll be sure to do that.</p>	<p>27. Vui lòng mang theo 12 bản sao của chương trình họp.</p> <p>(A) Đúng ra là vào lúc 4 giờ 30. (B) Có một mức thuế nhập khẩu. (C) Được, tôi chắc chắn sẽ làm việc đó.</p>
<p>28. (M-Cn) Can't we see the movie tonight?</p> <p>(W-Am) (A) The Garden Theater. (B) Front row seats. (C) I'm afraid I have other plans.</p>	<p>28. Chúng ta không thể đi xem phim tối nay sao?</p> <p>(A) Nhà hát Garden. (B) Hàng ghế phía trước. (C) Tôi e là tôi có những dự định khác.</p>
<p>29. (W-Br) Will you be paying with cash or by credit card?</p> <p>(M-Cn) (A) We play every Saturday. (B) I'll use my credit card. (C) Let's go by car.</p>	<p>29. Bạn sẽ thanh toán bằng tiền mặt hay bằng thẻ tín dụng?</p> <p>(A) Chúng tôi chơi vào thứ Bảy hàng tuần. (B) Tôi sẽ dùng thẻ tín dụng của mình. (C) Chúng ta hãy đi bằng xe hơi.</p>

<p>30. (M-Au) Do you need help finding something in your size?</p> <p>(W-Br) (A) We're closing early. (B) I'm OK, thanks. (C) I don't need a receipt.</p>	<p>30. Bạn có cần tôi giúp tìm thứ gì đó vừa kích cỡ của bạn không?</p> <p>(A) Chúng tôi sẽ đóng cửa sớm. (B) Tôi ổn, cảm ơn bạn. (C) Tôi không cần biên lai.</p>
<p>31. (W-Am) We still have space to set up tables, don't we?</p> <p>(M-Au) (A) Yes, there's plenty of room. (B) These chairs are nice. (C) Ten o'clock would be good.</p>	<p>31. Chúng ta vẫn còn chỗ để dọn bàn ra phải không?</p> <p>(A) Đúng vậy, có rất nhiều chỗ. (B) Những cái ghế này thật đẹp. (C) 10 giờ thì được.</p>
<p>32. (M-Au) When are you moving into your new apartment?</p> <p>(W-Br) (A) A few miles from town. (B) In the marketing department. (C) As soon as I sign the lease.</p>	<p>32. Khi nào thì bạn chuyển đến căn hộ mới của bạn?</p> <p>(A) Cách thị trấn vài dặm. (B) Trong bộ phận tiếp thị. (C) Ngay khi tôi kí hợp đồng thuê.</p>
<p>33. (M-Cn) Isn't Jerome going to join the conference call?</p> <p>(W-Am) (A) I learned a lot. (B) Our membership expires soon. (C) He's supposed to.</p>	<p>33. Có phải Jerome sẽ không tham gia cuộc gọi họp nhóm không?</p> <p>(A) Tôi đã học hỏi được nhiều. (B) Quyền hạn thành viên của chúng ta sẽ hết hạn sớm. (C) Tôi nghĩ là có chứ.</p>
<p>34. (W-Br) Where's the hotel being built?</p> <p>(M-Cn) (A) In about a year or so. (B) The clients have sent the documents. (C) Directly across from the old one.</p>	<p>34. Khách sạn đang xây ở đâu?</p> <p>(A) Trong khoảng 1 năm. (B) Những khách hàng đã gửi tài liệu. (C) Ngay phía đối diện của khách sạn cũ.</p>
<p>35. (W-Br) My favorite author is releasing a new novel next week.</p> <p>(M-Au) (A) What's the title? (B) Yes, especially the first chapter. (C) It's a new bookstore.</p>	<p>35. Tác giả yêu thích của tôi sắp ra mắt cuốn tiểu thuyết mới vào tuần sau.</p> <p>(A) Tựa đề là gì? (B) Đúng vậy, nhất là chương đầu tiên. (C) Nó là một cửa hàng sách mới.</p>

<p>36. (M-Au) Why hasn't the launch date been finalized?</p> <p>(W-Am) (A) No thanks, I already ate. (B) They haven't visited before. (C) The product is still being tested.</p>	<p>36. Tại sao ngày ra mắt vẫn chưa được quyết định?</p> <p>(A) Không, cảm ơn bạn, tôi đã ăn rồi. (B) Trước đây họ chưa từng đến thăm. (C) Sản phẩm vẫn đang được thử nghiệm.</p>
<p>37. (M-Cn) I don't have to renew my security badge, do I?</p> <p>(W-Br) (A) The guard at the front desk. (B) No, the one you have is still valid. (C) Tickets are seven dollars each.</p>	<p>37. Tôi không cần phải gia hạn thẻ an ninh của mình phải không?</p> <p>(A) Người bảo vệ tại bàn lễ tân. (B) Không, cái mà bạn đang giữ vẫn còn hiệu lực. (C) Giá vé là 7 đô la mỗi vé.</p>
<p>38. (M-Au) Can I take those packages to the mail room for you?</p> <p>(M-Cn) (A) If it's not too much trouble. (B) Some packing tape, please. (C) I haven't seen him.</p>	<p>38. Tôi có thể giúp bạn mang những bưu kiện đó đến phòng mail không?</p> <p>(A) Nếu như nó không có quá nhiều rắc rối. (B) Một vài băng dính để đóng gói. (C) Tôi không nhìn thấy anh ấy.</p>
<p>39. (W-Am) Who'll be giving the keynote speech?</p> <p>(M-Au) (A) Ms. Patel usually unlocks it. (B) Have you checked the program? (C) I could use one, too.</p>	<p>39. Ai sẽ có bài phát biểu chính?</p> <p>(A) Cô Patel thường mở khoá nó. (B) Bạn đã kiểm tra chương trình chưa? (C) Tôi cũng có thể dùng 1 cái.</p>
<p>40. (M-Cn) It takes about half an hour to get to the airport.</p> <p>(M-Au) (A) We should leave soon, then. (B) Our headquarters in India. (C) I have some souvenirs.</p>	<p>40. Mất khoảng nửa tiếng để đến sân bay.</p> <p>(A) Vì thế chúng ta nên đi sớm. (B) Trụ sở của chúng tôi ở Ấn Độ. (C) Tôi có một vài món quà lưu niệm.</p>

ETS 5 TESTS – SCRIPT & TRANS – PART 2 – TEST 03

<p>11. (W-Br) Where did Constance work last year? (M-Cn) (A) For a few years. (B) Not at all. (C) At a bookstore.</p>	<p>11. Năm ngoái Constance đã làm việc ở đâu? (A) Trong một vài năm. (B) Không có gì. (C) Tại một hiệu sách.</p>
<p>12. (W-Am) Who's going to set up the room for our meeting? (M-Au) (A) Yes, I think there's room. (B) Paul offered to do it. (C) After three, I believe.</p>	<p>12. Ai sẽ bố trí phòng cho cuộc họp của chúng ta? (A) Đúng vậy, tôi nghĩ là có chỗ. (B) Paul đã đề nghị làm việc đó. (C) Sau 3 giờ, tôi tin là vậy.</p>
<p>13. (M-Cn) Excuse me, are these your glasses? (W-Br) (A) We don't carry them anymore. (B) No, they're not mine. (C) I'll have some water.</p>	<p>13. Xin lỗi cho hỏi đây có phải kính của bạn không? (A) Chúng tôi không còn giữ chúng nữa. (B) Không phải, chúng không phải của tôi. (C) Tôi sẽ lấy một ít nước.</p>
<p>14. (M-Au) When's the next flight to Denver? (W-Am) (A) It leaves thirty minutes from now. (B) No, we make a stop in Phoenix first. (C) A few more passengers.</p>	<p>14. Chuyến bay tiếp theo đến Denver là khi nào? (A) Nó sẽ cất cánh sau 30 phút nữa. (B) Không, trước tiên chúng tôi sẽ dừng tại Phoenix. (C) Thêm một vài hành khách.</p>
<p>15. (W-Br) How should we transport these crates? (M-Au) (A) At the warehouse. (B) By truck. (C) It's on Thursday.</p>	<p>15. Chúng ta nên vận chuyển các thùng gỗ này bằng cách nào? (A) Tại nhà kho. (B) Bằng xe tải. (C) Vào thứ Năm.</p>

<p>16. (W-Am) Who edits the company newsletter now?</p> <p>(M-Au) (A) Yes, it'll be ready for print shortly. (B) It's written for all current employees. (C) Bill Sharma took over that job.</p>	<p>16. Hiện ai đang biên tập tờ báo của công ty?</p> <p>(A) Đúng vậy, nó sẽ sẵn sàng để in ngay thôi. (B) Nó được viết cho tất cả nhân viên hiện tại. (C) Bill Sharma đã đảm nhiệm công việc đó.</p>
<p>17. (M-Cn) Is it possible to renew my fishing license over the phone?</p> <p>(W-Br) (A) No, You'll have to do that in person. (B) It's a good place to fish. (C) At my new address.</p>	<p>17. Tôi có thể gia hạn bằng đánh cá của mình thông qua điện thoại không?</p> <p>(A) Không, bạn phải làm việc đó trực tiếp. (B) Nó là một nơi tốt để đánh cá. (C) Tại địa chỉ mới của tôi.</p>
<p>18. (W-Am) Why was my credit card charged twice?</p> <p>(M-Cn) (A) Only a few times a week. (B) You should charge your laptop. (C) Sorry, let me check your account.</p>	<p>18. Tại sao thẻ tín dụng của tôi lại bị tính phí 2 lần vậy?</p> <p>(A) Chỉ một vài lần mỗi tuần. (B) Bạn nên sạc laptop của bạn. (C) Xin lỗi bạn, để tôi kiểm tra tài khoản của bạn.</p>
<p>19. (M-Au) Which training course did you register for?</p> <p>(W-Br) (A) Register by the twentieth. (B) The one about budgeting. (C) That's a good career choice.</p>	<p>19. Bạn đã đăng kí cho khoá đào tạo nào?</p> <p>(A) Đăng kí trước ngày 20. (B) Khoá về tính toán ngân sách. (C) Đó là một lựa chọn nghề nghiệp tốt.</p>
<p>20. (M-Cn) When will the doctor be available?</p> <p>(M-Au) (A) Herbertson medical school. (B) She's free tomorrow morning. (C) No thanks, I already have one.</p>	<p>20. Khi nào thì bác sĩ có thời gian rảnh?</p> <p>(A) Trường y dược Herbertson. (B) Bà ấy sẽ rảnh vào sáng mai. (C) Không, cảm ơn bạn, tôi đã có một cái.</p>
<p>21. (W-Br) Where did you file the invoices?</p> <p>(W-Am) (A) In the folder labeled "Expenses." (B) To our contractor in Melbourne. (C) They'd like to order more.</p>	<p>21. Bạn đã cất giữ những hoá đơn ở đâu?</p> <p>(A) Trong một hồ sơ có tên "Chi Tiêu". (B) Đến nhà thầu của chúng ta ở Melbourne. (C) Họ muốn đặt hàng thêm.</p>

<p>22. (M-Au) How do you clean your work uniform?</p> <p>(W-Br) (A) Every other day, at least. (B) I use a concentrated detergent. (C) Yes, I just washed them.</p>	<p>22. Bạn làm cách nào để làm sạch đồng phục làm việc của mình?</p> <p>(A) Tối thiểu là 2 ngày 1 lần. (B) Tôi dùng thốc tẩy đậm đặc. (C) Đúng vậy, tôi vừa mới giặt chúng.</p>
<p>23. (W-Am) Why don't you hand out these pamphlets?</p> <p>(M-Cn) (A) Our updated menu. (B) At the corner of Maple Street. (C) Okay, I'll do it today.</p>	<p>23. Tại sao bạn không phân phát những cuốn sách nhỏ này?</p> <p>(A) Thực đơn của chúng tôi đã được cập nhật. (B) Ở góc phố Maple. (C) Được, tôi sẽ làm việc đó trong hôm nay.</p>
<p>24. (M-Au) I know of a popular sandwich shop here in Binton.</p> <p>(W-Am) (A) Mine was delicious, too. (B) No, not that I'm aware of. (C) Is it close to our hotel?</p>	<p>24. Tôi có biết về một cửa hàng sandwich được nhiều người ưa thích ở Binton này.</p> <p>(A) Món của tôi thì cũng ngon. (B) Không, theo như tôi biết thì không. (C) Nó có gần khách sạn chúng ta không?</p>
<p>25. (M-Cn) Are there any seats left in the reserved section?</p> <p>(W-Br) (A) Not for Saturday's performance. (B) We provide excellent service. (C) He arranged the seats in a row.</p>	<p>25. Còn chỗ ngồi nào trong khu vực dành riêng không?</p> <p>(A) Không còn chỗ cho buổi biểu diễn vào thứ Bảy. (B) Chúng tôi cung cấp dịch vụ tuyệt vời. (C) Anh ấy bố trí các chỗ ngồi thành 1 hàng.</p>
<p>26. (M-Au) The new software engineer was supposed to start today, wasn't she?</p> <p>(M-Cn) (A) Yes, let's do that. (B) It runs much faster. (C) Yes, she's at the orientation.</p>	<p>26. Kỹ sư phần mềm mới được cho là sẽ bắt đầu công việc vào hôm nay phải không?</p> <p>(A) Phải, chúng ta hãy làm việc đó đi. (B) Nó chạy nhanh hơn nhiều. (C) Phải, cô ấy đang ở buổi định hướng.</p>
<p>27. (W-Am) Isn't this the final cover design?</p> <p>(M-Au) (A) It's just the first draft. (B) Here's the lid. (C) I haven't yet.</p>	<p>27. Có phải đây là bản thiết kế trang bìa cuối cùng không?</p> <p>(A) Nó chỉ là bản thảo đầu tiên. (B) Cái nắp ở đây. (C) Tôi chưa làm.</p>

<p>28. (W-Br) Is the conference center on the north side of the highway or on the south side?</p> <p>(W-Am) (A) I'm attending a two-day seminar. (B) It's to the south, just past Exit 52. (C) Within an hour or so.</p>	<p>28. Trung tâm hội nghị ở phía Bắc hay phía Nam của cao tốc?</p> <p>(A) Tôi sẽ tham dự hội thảo kéo dài 2 ngày. (B) Nó nằm ở phía Nam, chỉ cần đi qua cửa số 52. (C) Trong vòng khoảng chừng 1 giờ.</p>
<p>29. (M-Cn) What can we do to expand our customer base?</p> <p>(W-Br) (A) Mostly in and around New York City. (B) Change our marketing strategy, I'd say. (C) By more than fifty percent last year.</p>	<p>29. Chúng ta có thể làm gì để tăng quy mô khách hàng?</p> <p>(A) Hầu hết là ở trong hoặc quanh thành phố New York. (B) Thay đổi chiến lược tiếp thị của chúng ta, đó là ý kiến của tôi. (C) Hơn 55 phần trăm so với năm ngoái.</p>
<p>30. (M-Au) We bought the house about a year ago.</p> <p>(W-Am) (A) Certainly, send me some information. (B) Has it been that long? (C) No, she couldn't go.</p>	<p>30. Chúng tôi đã mua ngôi nhà được gần 1 năm.</p> <p>(A) Chắc chắn rồi, hãy gửi tôi vài thông tin. (B) Không lâu như vậy chứ? (C) Không, cô ấy đã không thể đi.</p>
<p>31. (W-Br) Can I give you some help with that report?</p> <p>(M-Cn) (A) I'm almost done, thanks. (B) She reports to Mr. Thompson. (C) I found it helpful.</p>	<p>31. Tôi có thể giúp bạn với báo cáo đó không?</p> <p>(A) Tôi gần xong rồi, cảm ơn bạn. (B) Cô ấy báo cáo cho ông Thompson. (C) Tôi thấy nó hữu ích.</p>
<p>32. (W-Am) Is there any money left in our office supply account?</p> <p>(M-Au) (A) Let me look and see. (B) There's one nearby. (C) I'd like that.</p>	<p>32. Còn khoản tiền nào trong tài khoản nguồn tiền văn phòng của chúng ta không?</p> <p>(A) Để tôi kiểm tra xem thử. (B) Có một cái ở gần bên. (C) Tôi muốn nó.</p>

<p>33. (M-Cn) I think the brakes on my car need to be fixed.</p> <p>(W-Am) (A) Nearly ten thousand miles. (B) How old are they? (C) Yes, it's my favorite place.</p>	<p>33. Tôi nghĩ những cái phanh xe hơi của tôi cần phải được sửa.</p> <p>(A) Gần mười nghìn dặm. (B) Tuổi thọ chúng bao nhiêu? (C) Đúng vậy, đó là nơi ưa thích của tôi.</p>
<p>34. (W-Br) Would you be willing to fill out a questionnaire?</p> <p>(M-Cn) (A) The store hours are nine to six. (B) They felt good about it. (C) I completed one earlier.</p>	<p>34. Bạn có thể hoàn thành bảng câu hỏi này được không?</p> <p>(A) Giờ mở cửa của tiệm là từ 9 giờ đến 6 giờ. (B) Họ đã cảm thấy nó tốt. (C) Tôi đã hoàn thành một cái rồi.</p>
<p>35. (M-Au) Why were all the printers moved?</p> <p>(W-Br) (A) But I can help you move them. (B) We're turning that space into an office. (C) Yes, let's call the technician.</p>	<p>35. Tại sao tất cả máy in lại được chuyển đi vậy?</p> <p>(A) Nhưng tôi có thể giúp bạn di chuyển chúng. (B) Chúng tôi định biến nó thành một văn phòng. (C) Đúng vậy, hãy gọi cho kỹ thuật viên.</p>
<p>36. (W-Am) Our utility bill is a lot higher this month, isn't it?</p> <p>(M-Cn) (A) The company raised its rates. (B) No, he was hired in June. (C) Sure, I'll put it on your desk.</p>	<p>36. Tiền sử dụng dịch vụ của chúng ta tháng này cao hơn khá nhiều phải không?</p> <p>(A) Công ty đã tăng mức giá của họ. (B) Không, anh ấy đã được thuê hồi tháng 6. (C) Chắc chắn rồi, tôi sẽ để nó trên bàn của bạn.</p>
<p>37. (W-Br) I think the paint on his bench is still wet.</p> <p>(M-Au) (A) No, we're not expecting rain. (B) We'd better sit somewhere else. (C) What color would you suggest?</p>	<p>37. Tôi nghĩ bức vẽ trên băng ghế của anh ấy vẫn còn ướt.</p> <p>(A) Không, chúng tôi không cầu mưa. (B) Chúng ta nên ngồi chỗ nào khác thì hơn. (C) Bạn đề xuất màu gì?</p>
<p>38. (M-Cn) Is this a good time to talk, or should I call back later?</p> <p>(W-Am) (A) I have a few minutes. (B) Yesterday after lunch. (C) Mr. Rodriguez did.</p>	<p>38. Lúc này có phải là thời điểm thích hợp để nói chuyện không, hay là tôi nên gọi lại sau?</p> <p>(A) Tôi có vài phút rảnh. (B) Sau giờ trưa ngày hôm qua. (C) Ông Rodriguez đã làm.</p>

<p>39.</p> <p>(W-Br) Weren't the window in the lobby supposed to be replaced?</p> <p>(M-Cn) (A) Follow the main hallway. (B) About thirty people. (C) Not until next week.</p>	<p>39.</p> <p>Có phải cái cửa kính ở sảnh trước đã được thay thế rồi không?</p> <p>(A) Đi theo hành lang chính. (B) Khoảng 30 người. (C) Không, cho tới tuần sau.</p>
<p>40.</p> <p>(W-Am) Please make sure that our advertisement appears in the local newspaper.</p> <p>(M-Au) (A) For the marketing department. (B) About forty thousand readers. (C) Don't worry, I'll take care of it.</p>	<p>40.</p> <p>Vui lòng đảm bảo rằng quảng cáo của chúng tôi xuất hiện trên tờ báo địa phương.</p> <p>(A) Dành cho bộ phận tiếp thị. (B) Khoảng bốn mươi nghìn độc giả. (C) Đừng lo, tôi sẽ để ý đến việc đó.</p>

ETS 5 TETS – SCRIPT & TRANS – PART 2 – TEST 04

<p>11. (W-Am) Where will the conference be held? (M-Au) (A) By tomorrow. (B) For a week. (C) In the main building.</p>	<p>11. Hội nghị sẽ diễn ra ở đâu? (A) Trước ngày mai. (B) Trong 1 tuần. (C) Ở toà nhà chính.</p>
<p>12. (W-Br) How do you usually get to work? (W-Am) (A) I take the number ten bus. (B) We arrive in the morning. (C) Yes, I have to work.</p>	<p>12. Bạn thường đi làm bằng phương tiện gì? (A) Tôi bắt chuyến xe buýt số 10. (B) Chúng tôi đến nơi vào buổi sáng. (C) Đúng vậy, tôi phải làm việc.</p>
<p>13. (M-Cn) Would you like to play a game of tennis? (M-Au) (A) He wasn't sure. (B) Yes, I would. (C) Not too many.</p>	<p>13. Bạn có muốn làm 1 trận tennis không? (A) Anh ấy không chắc chắn. (B) Có, tôi muốn. (C) Không có quá nhiều.</p>
<p>14. (W-Br) What's the chair person's name again? (M-Cn) (A) Yes, that's her name. (B) There aren't enough chairs. (C) I think it's Ms. Freeman.</p>	<p>14. Tên của vị chủ tọa là gì? (A) Đúng vậy, đó là tên của cô ấy. (B) Không có đủ ghế. (C) Tôi nghĩ là cô Freeman.</p>
<p>15. (M-Au) Should we have coffee now, or with dessert? (W-Am) (A) No, I'm not. (B) Later, please. (C) It's just a cough.</p>	<p>15. Chúng ta nên uống cà phê ngay bây giờ hay là dùng chung với đồ tráng miệng? (A) Không, tôi không có. (B) Để sau đi. (C) Nó chỉ là bệnh ho thôi.</p>
<p>16. (W-Br) Where did you buy those shoes? (M-Au) (A) Because they're so comfortable. (B) It's difficult to choose. (C) I got them in London.</p>	<p>16. Bạn đã mua những đôi giày đó ở đâu vậy? (A) Vì chúng rất thoải mái. (B) Thật khó để lựa chọn. (C) Tôi mua chúng ở Luân Đôn.</p>

<p>17. (W-Am) Let's wait until the rest of the group arrives.</p> <p>(M-Cn) (A) Yes, I think we'd better. (B) To the restaurant on the corner. (C) It weighed about two kilos.</p>	<p>17. Hãy đợi những người còn lại trong nhóm đến.</p> <p>(A) Đúng vậy, tôi nghĩ chúng ta nên đợi. (B) Đến nhà hàng ở góc phố. (C) Nó nặng khoảng 2 kí lô.</p>
<p>18. (M-Cn) Mr. Chang will receive a raise, won't he?</p> <p>(W-Br) (A) Yes, he's worked really hard this year. (B) No, I got it for my birthday. (C) I'll pay him a visit soon.</p>	<p>18. Ông chang sẽ được tăng lương phải không?</p> <p>(A) Phải, ông ấy đã làm việc rất chăm chỉ trong năm nay. (B) Không, tôi có nó nhân ngày sinh nhật của mình. (C) Tôi sẽ sớm tặng anh ấy một chuyến đi.</p>
<p>19. (M-Au) When does this ticket expire?</p> <p>(W-Am) (A) The ticket window. (B) Any airline agent can. (C) At the end of the year.</p>	<p>19. Khi nào tấm vé này hết hạn?</p> <p>(A) Vé ngồi gần cửa sổ. (B) Bất kì đại lí máy bay nào cũng có thể. (C) Vào cuối năm nay.</p>
<p>20. (M-Cn) What will you do with your bonus money?</p> <p>(W-Br) (A) That would be really helpful. (B) I'm going to put it in the bank. (C) No, you don't owe us anything.</p>	<p>20. Bạn sẽ làm gì với tiền thưởng của mình?</p> <p>(A) Điều đó giúp ích rất nhiều. (B) Tôi dự định gửi ngân hàng. (C) Không, bạn không nợ chúng tôi gì cả.</p>
<p>21. (M-Au) Why do you have an appointment with Seiji?</p> <p>(M-Cn) (A) Next Monday afternoon. (B) It wasn't difficult. (C) To discuss a new project.</p>	<p>21. Tại sao bạn lại có cuộc hẹn với Seiji?</p> <p>(A) Chiều ngày thứ Hai tuần sau. (B) Nó không khó lắm. (C) Để thảo luận về dự án mới.</p>
<p>22. (W-Am) How many copies of the document do you need?</p> <p>(W-Br) (A) That really wasn't necessary. (B) Twelve should be enough. (C) No coffee for me, thanks.</p>	<p>22. Bạn cần bao nhiêu bản sao tài liệu này?</p> <p>(A) Việc đó thật sự không cần thiết. (B) 12 bản có lẽ là đủ. (C) Không có cà phê cho tôi, cảm ơn bạn.</p>

<p>23. (M-Au) The job fair will be held in March. (M-Cn) (A) You can find some. (B) I'm planning to attend. (C) In public finance.</p>	<p>23. Hội chợ việc làm sẽ được tổ chức vào tháng 3. (A) Bạn có thể tìm thấy một vài thứ. (B) Tôi dự định sẽ tham gia. (C) Ở bộ phận tài chính công.</p>
<p>24. (W-Br) Can you go to lunch, or do you still have some calls to make? (M-Au) (A) Please call me Warren. (B) I'll be ready in a few minutes. (C) Lunch was very good.</p>	<p>24. Bạn có đi ăn trưa không, hay là bạn vẫn có vài cuộc gọi cần thực hiện? (A) Vui lòng gọi tôi là Warren. (B) Tôi sẽ sẵn sàng trong vài phút nữa. (C) Bữa trưa thật là tuyệt.</p>
<p>25. (M-Cn) The instructions weren't very clear, were they? (M-Au) (A) No, they were very confusing. (B) It looks like it'll be a sunny day. (C) An instructor in computer science.</p>	<p>25. Những hướng dẫn thì không rõ ràng lắm phải không? (A) Phải, chúng rất chi là dễ gây nhầm lẫn. (B) Có vẻ như là một ngày trời có nắng. (C) Một người hướng dẫn về khoa học máy tính.</p>
<p>26. (W-Br) How would you like to see a show while we're here? (W-Am) (A) Yes, the view here is wonderful. (B) Jim showed me around today. (C) That sounds like fun.</p>	<p>26. Bạn có muốn đi xem một buổi diễn lúc bạn đến đây không? (A) Đúng vậy, quan cảnh ở đây thật tuyệt. (B) Hôm nay Jim đã đưa tôi đi dạo. (C) Nghe có vẻ vui đấy.</p>
<p>27. (W-Br) I thought the town council had settled the dispute. (M-Cn) (A) They haven't reached a decision yet. (B) I'm afraid this boot can't be fixed. (C) I'll count it carefully.</p>	<p>27. Tôi nghĩ hội đồng thị trấn đã dàn xếp cuộc tranh luận. (A) Họ vẫn chưa có được một quyết định. (B) Tôi e là chiếc ủng này không thể sửa được. (C) Tôi sẽ đếm nó cẩn thận.</p>
<p>28. (W-Am) Were you able to send that package to Barcelona? (W-Br) (A) She'll be back next Monday. (B) I'm sorry, I can't lend it to you. (C) No, the post office was closed.</p>	<p>28. Bạn có thể gửi bưu kiện đó đến Barcelona được không? (A) Cô ấy sẽ trở về vào thứ Hai tới. (B) Tôi xin lỗi, tôi không thể cho bạn mượn. (C) Không, bưu điện đã đóng cửa.</p>

<p>29. (M-Cn) When are you supposed to give your presentation?</p> <p>(W-Am) (A) Yes, I bought some small gifts. (B) To Ms. Ito, in personnel. (C) At the next marketing meeting.</p>	<p>29. Khi nào thì bạn sẽ có bài thuyết trình?</p> <p>(A) Đúng vậy, tôi đã mua một vài món quà nhỏ nhỏ. (B) Đến cô Ito, ở bộ phận nhân sự. (C) Tại buổi họp tiếp thị lần tới.</p>
<p>30. (M-Au) Who recommended changing the production line?</p> <p>(W-Br) (A) The production manager did. (B) To improve overall efficiency. (C) By June, we hope.</p>	<p>30. Ai đã đề nghị thay đổi dây chuyền sản xuất?</p> <p>(A) Người quản lí sản xuất đã đề nghị. (B) Để cải thiện hiệu suất chung. (C) Trước tháng 6, chúng tôi hi vọng là vậy.</p>
<p>31. (M-Au) How did you learn to write so well?</p> <p>(W-Am) (A) Yes, it's over there, on the left. (B) I used to be a newspaper reporter. (C) I'm feeling much better now.</p>	<p>31. Làm thế nào mà bạn viết giỏi thế?</p> <p>(A) Đúng vậy, nó ở đằng kia, phía bên trái. (B) Tôi đã từng là một phóng viên viết báo. (C) Tôi đang cảm thấy tốt hơn nhiều.</p>
<p>32. (W-Br) Is the next concert on September fifteenth?</p> <p>(M-Cn) (A) I'm not concerned. (B) No, it's the sixteenth. (C) It lasted about an hour.</p>	<p>32. Có phải buổi hoà nhạc sắp tới là vào ngày 15 tháng 9 không?</p> <p>(A) Tôi không bận tâm. (B) Không, vào ngày 16. (C) Nó kéo dài khoảng 1 tiếng.</p>
<p>33. (W-Am) Don't you think New York's a noisy city?</p> <p>(M-Au) (A) Why didn't you just ask me? (B) Yes, but I like it anyway. (C) No, it's not on the map.</p>	<p>33. Bạn có nghĩ New York là một thành phố náo nhiệt không?</p> <p>(A) Tại sao bạn không hỏi tôi chứ? (B) Phải, nhưng dù sao thì tôi cũng thích nó. (C) Không, nó không ở trên bản đồ.</p>
<p>34. (M-Cn) Do you want to edit this letter now, or finish the monthly report first?</p> <p>(W-Br) (A) Let's do the letter first. (B) Every fourth Tuesday. (C) Another version.</p>	<p>34. Bạn có buồn chỉnh sửa lại lá thư ngay bây giờ không, hay là hoàn thành báo cáo hàng tháng trước?</p> <p>(A) Hãy chỉnh sửa lá thư trước. (B) Mỗi thứ Ba của tuần thứ tư. (C) Một phiên bản khác.</p>

<p>35. (W-Am) Who's going with you to China? (M-Cn) (A) I don't know whose it is. (B) To visit some customers there. (C) I'm going there on my own.</p>	<p>35. Ai sẽ đi cùng bạn đến Trung Quốc? (A) Tôi không biết nó là của ai. (B) Để thăm một vài khách hàng ở đó. (C) Tôi sẽ đến đó một mình.</p>
<p>36. (W-Br) Do you want to go to the reception together? (W-Am) (A) Sorry, I can't make it. (B) Yes, I missed them. (C) In the reception area.</p>	<p>36. Bạn có muốn đi chung đến bữa tiệc chiêu đãi không? (A) Xin lỗi bạn, tôi không thể đến đó. (B) Đúng vậy, tôi đã bỏ lỡ chúng. (C) Ở khu vực tiếp tân.</p>
<p>37. (M-Au) Ms. Kim has decided to leave the firm. (W-Am) (A) Yes, she's been offered a better job. (B) No, I'm staying with a friend. (C) Three weeks' paid leave a year.</p>	<p>37. Cô Kim đã quyết định rời công ty. (A) Đúng vậy, cô ấy đã được đề nghị một công việc tốt hơn. (B) Không, tôi đang ở với một người bạn. (C) Phụ cấp nghỉ 3 tuần một năm.</p>
<p>38. (M-Cn) Why were the latest sales projections revised? (M-Au) (A) Someone found an error. (B) Do you need a screen and projector? (C) No, it wasn't late.</p>	<p>38. Tại sao các đề án bán hàng mới nhất lại bị chỉnh sửa? (A) Ai đó đã phát hiện lỗi. (B) Bạn có cần màn hình và máy chiếu không? (C) Không, không trễ đâu.</p>
<p>39. (W-Am) Ana Garcia's credentials are impressive, aren't they? (M-Cn) (A) Yes, she's at the dentist. (B) They're under a lot of pressure. (C) She certainly has experience.</p>	<p>39. Trình độ của Ana Garcia thật ấn tượng phải không? (A) Phải, cô ấy đang ở nha sĩ. (B) Họ phải chịu nhiều áp lực. (C) Cô ấy chắc chắn là người có kinh nghiệm.</p>
<p>40. (W-Am) Have any bids come in for the construction contract yet? (M-Au) (A) It was constructed 50 years ago. (B) Yes, and we're ready to accept one. (C) I'll have a little bit.</p>	<p>40. Có đề nghị nào cho hợp đồng xây dựng chưa? (A) Nó đã được xây dựng vào 50 năm trước. (B) Có rồi, và chúng tôi sẵn sàng chấp nhận một đề nghị. (C) Tôi sẽ có một ít.</p>

ETS 5 TESTS – SCRIPT & TRANS – PART 2 – TEST 05

<p>11. (W-Am) How much does this shirt cost? (M-Au) (A) It's a short course. (B) Yes, it does. (C) Thirty-five dollars.</p>	<p>11. Chiếc áo sơ mi này có giá bao nhiêu? (A) Nó là một khoá học ngắn hạn. (B) Đúng vậy. (C) 35 đô la.</p>
<p>12. (M-Cn) Where should I leave this report? (W-Br) (A) On my desk. (B) The news reporter. (C) At three-thirty.</p>	<p>12. Tôi nên để báo cáo này ở đâu đây? (A) Trên bàn của tôi. (B) Phóng viên tin tức. (C) Tại số 330.</p>
<p>13. (M-Au) When will the marketing team meet? (W-Am) (A) Yes, at the market. (B) Nice to meet you. (C) Right after lunch.</p>	<p>13. Khi nào thì đội tiếp thị họp mặt? (A) Đúng vậy, tại chợ. (B) Rất vui được gặp bạn. (C) Ngay sau giờ ăn trưa.</p>
<p>14. (M-Cn) Which movie do you recommend? (M-Au) (A) That's a good suggestion. (B) Let's move it over there. (C) The comedy with Klaus Thomas.</p>	<p>14. Bạn đề xuất bộ phim nào? (A) Đó là một đề nghị tốt. (B) Chúng ta hãy di chuyển nó qua bên kia. (C) Phim hài của Klaus Thomas.</p>
<p>15. (W-Br) Will Masako be joining us for dinner? (W-Am) (A) A table for five, please. (B) Yes, she'll be here soon. (C) She enjoyed it.</p>	<p>15. Masako có ăn tối cùng chúng ta không? (A) Một bàn cho 5 người. (B) Có, cô ấy sẽ đến đây sớm. (C) Cô ấy thích nó.</p>
<p>16. (W-Br) Who was hired to fill the factory manager position? (M-Au) (A) No, I don't. (B) Not too tired. (C) No one, yet.</p>	<p>16. Ai đã được tuyển vào vị trí quản lý nhà máy? (A) Không, tôi không làm. (B) Không quá mệt mỏi. (C) Chưa có ai cả.</p>

<p>17. (M-Cn) May I sit in the front row? (W-Am) (A) Yes, very low. (B) No, those seats are reserved. (C) Set them on the table.</p>	<p>17. Tôi có thể ngồi ở hàng ghế trước không? (A) Đúng vậy, rất là thấp. (B) Không, những chỗ ngồi đó đã được đặt trước. (C) Đặt chúng trên bàn.</p>
<p>18. (W-Am) The accounting supervisor is sick today. (W-Br) (A) I just counted it. (B) I hope he feels better soon. (C) Which number was it?</p>	<p>18. Người giám sát kế toán hôm nay bị ốm. (A) Tôi vừa đếm nó xong. (B) Tôi hi vọng anh ấy sẽ sớm ổn hơn. (C) Nó là số mấy?</p>
<p>19. (M-Au) When will you get back from your trip? (W-Am) (A) On Friday night. (B) In the back row. (C) Britain and France.</p>	<p>19. Khi nào thì bạn sẽ trở về từ chuyến đi của bạn? (A) Vào tối thứ Sáu. (B) Ở hàng phía sau. (C) Anh và Pháp.</p>
<p>20. (M-Cn) Which printer should we order? (W-Br) (A) Let's get the latest model. (B) Print your name here. (C) In two more days.</p>	<p>20. Chúng ta nên đặt hàng máy in nào? (A) Hãy đặt mẫu mới nhất. (B) In tên của bạn lên đây. (C) Trong 2 ngày nữa.</p>
<p>21. (W-Am) Where is the press conference going to be held? (M-Au) (A) Mainly journalists. (B) Downstairs in the lobby. (C) There aren't enough copies.</p>	<p>21. Cuộc họp báo sẽ được tổ chức ở đâu? (A) Chủ yếu là các nhà báo. (B) Ở sảnh phía dưới lầu. (C) Không có đủ bản sao.</p>
<p>22. (M-Cn) Are you interested in going to the presentation? (W-Am) (A) I don't have time. (B) That's really interesting. (C) Yes, a very nice present.</p>	<p>22. Bạn có muốn đến xem thuyết trình không? (A) Tôi không có thời gian. (B) Việc đó thật sự thú vị. (C) Đúng vậy, một món quà dễ thương.</p>

<p>23. (M-Cn) Who's in charge of planning this event?</p> <p>(W-Br) (A) That was the plan. (B) One of my colleagues is. (C) Yes, if you can.</p>	<p>23. Ai chịu trách nhiệm lên kế hoạch cho sự kiện này?</p> <p>(A) Đó là kế hoạch. (B) Một trong những đồng nghiệp của tôi. (C) Đúng vậy, bạn có thể.</p>
<p>24. (W-Br) Should we review our notes today, or is tomorrow OK?</p> <p>(M-Cn) (A) They got great reviews. (B) Yes, I noticed. (C) It doesn't matter to me.</p>	<p>24. Chúng ta nên xem qua những ghi chú trong hôm nay hay là để mai?</p> <p>(A) Họ đã nhận được những đánh giá rất tốt. (B) Đúng vậy, tôi đã để ý. (C) Nó không là vấn đề với tôi.</p>
<p>25. (W-Am) This article seems a little long.</p> <p>(M-Au) (A) Well, it does cover a lot of topics. (B) I had a haircut. (C) How about just a short visit?</p>	<p>25. Bài báo này có vẻ khá là dài.</p> <p>(A) Đúng là nó bao gồm nhiều chủ đề. (B) Tôi đã đi cắt tóc. (C) Chỉ một chuyến thăm ngắn thì sao?</p>
<p>26. (W-Br) Why is Rita moving to Berlin?</p> <p>(M-Cn) (A) Within the next month. (B) She's working on a project there. (C) We'll hire a moving company.</p>	<p>26. Tại sao Rita sắp sửa chuyển đến Berlin?</p> <p>(A) Trong vòng 1 tháng. (B) Cô ấy sẽ làm việc trong 1 dự án ở đó. (C) Chúng tôi sẽ thuê một công ty vận chuyển.</p>
<p>27. (M-Au) Should I get a messenger to deliver these brochures?</p> <p>(W-Am) (A) Yes, it's sure to be. (B) A voice mail message. (C) No, I'll have time to do it.</p>	<p>27. Tôi có nên nhờ người đưa thư để giao những cuốn sách quảng cáo này không?</p> <p>(A) Đúng vậy, chắc chắn là vậy. (B) Một tin nhắn thoại. (C) Không, tôi sẽ bỏ thời gian làm việc đó.</p>
<p>28. (W-Br) How late are you going to be here tonight?</p> <p>(M-Au) (A) Yes, we all will. (B) He was late for the performance. (C) I'm leaving at seven.</p>	<p>28. Tối nay bạn dự định đến đây vào lúc nào?</p> <p>(A) Đúng vậy, tất cả chúng tôi đều vậy. (B) Anh ấy đã đến buổi diễn trễ. (C) Tôi sẽ ra khỏi nhà lúc 7 giờ.</p>

<p>29. (M-Au) Would you like some help cleaning the laboratory?</p> <p>(W-Br) (A) The help desk is downstairs. (B) An experimental process. (C) Yes, please – there’s a lot to do.</p>	<p>29. Bạn có cần giúp làm vệ sinh phòng thí nghiệm không?</p> <p>(A) Bàn trợ giúp ở dưới lầu. (B) Một quá trình thí nghiệm. (C) Có, làm ơn giúp với – có quá nhiều việc phải làm.</p>
<p>30. (M-Cn) Isn’t he the director of the program?</p> <p>(W-Br) (A) I have a different computer program. (B) Yes, he’s been here for fifteen years. (C) The directions are fairly simple.</p>	<p>30. Có phải ông ấy là đạo diễn chương trình không?</p> <p>(A) Tôi có một chương trình máy tính khác. (B) Phải, ông ấy đã ở đây được 15 năm. (C) Những chỉ dẫn thì khá là đơn giản.</p>
<p>31. (W-Br) Could you take these documents to the billing department?</p> <p>(W-Am) (A) They’re not building yet. (B) Yes, the apartment’s available. (C) Who should I give them to?</p>	<p>31. Bạn có thể mang những tài liệu này đến bộ phận hoá đơn không?</p> <p>(A) Họ vẫn chưa xây dựng. (B) Đúng vậy, bộ phận đang rảnh rồi. (C) Tôi nên đưa chúng cho ai?</p>
<p>32. (M-Cn) You made extra copies of the agenda, didn’t you?</p> <p>(M-Au) (A) Oh, but I forgot to bring them. (B) Thanks for doing that. (C) No, the exit’s on the left.</p>	<p>32. Bạn đã sao chép ra nhiều bản sao của chương trình họp phải không?</p> <p>(A) Ồ, nhưng tôi đã quên mang chúng theo. (B) Cảm ơn bạn vì đã làm việc đó. (C) Không, lối ra ở bên trái.</p>
<p>33. (W-Am) The training session will last about three hours.</p> <p>(M-Cn) (A) No, it’s our first choice. (B) Do all employees need to attend? (C) The train’s a good idea.</p>	<p>33. Buổi đào tạo sẽ kéo dài khoảng 3 tiếng.</p> <p>(A) Không, nó là lựa chọn đầu tiên của chúng tôi. (B) Tất cả nhân viên có cần phải tham gia không? (C) Đi tàu là một ý tưởng hay.</p>
<p>34. (M-Au) Would you like to ride with us to the hotel?</p> <p>(M-Cn) (A) If you have room in the taxi. (B) A single room, please. (C) That’s the right one.</p>	<p>34. Bạn có muốn đi chung với chúng tôi đến khách sạn không?</p> <p>(A) Nếu bạn có chỗ trên taxi. (B) Một phòng đơn. (C) Đó là điều đúng đắn.</p>

<p>35. (M-Cn) Why is the company issuing new uniforms?</p> <p>(W-Am) (A) They're supposed to be more comfortable. (B) Yes, sign these forms. (C) Did you buy a subscription?</p>	<p>35. Tại sao công ty lại phát đồ đồng phục mới?</p> <p>(A) Những đồ này được cho là thoải mái hơn. (B) Đúng vậy, hãy kí vào những đơn này. (C) Bạn đã mua đăng kí dài hạn chưa?</p>
<p>36. (W-Am) Didn't we already send an invoice to Mr. Gomez?</p> <p>(M-Au) (A) No, his voice is very clear. (B) Yes, but he asked for another copy. (C) One dollar and thirty cents.</p>	<p>36. Chúng ta đã gửi hoá đơn cho ông Gomez rồi phải không?</p> <p>(A) Không, giọng nói của ông ấy rất rõ ràng. (B) Đúng vậy, nhưng ông ấy đã yêu cầu thêm một bản sao nữa. (C) 1 đô la và 30 cent.</p>
<p>37. (W-Br) Would you like me to order one, or two boxes of business cards?</p> <p>(M-Cn) (A) Is there a discount for buying two? (B) Actually, I can drive my own car. (C) In order by last name.</p>	<p>37. Bạn muốn tôi đặt hàng 1 hay 2 hộp thẻ kinh doanh?</p> <p>(A) Mua 2 hộp thì có được giảm giá không? (B) Thực ra thì tôi có thể lái xe của mình. (C) Theo thứ tự Họ tên.</p>
<p>38. (M-Cn) Michael didn't leave any files for me, did he?</p> <p>(M-Au) (A) No, not far from here. (B) Just leave it on the table. (C) Yes, that pile over there.</p>	<p>38. Michael đã không để lại hồ sơ nào cho tôi đúng không?</p> <p>(A) Không, cách đây không xa. (B) Chỉ cần để nó trên bàn. (C) Có, chồng tài liệu ở kia.</p>
<p>39. (M-Au) It'll take two months to remodel the conference room.</p> <p>(W-Br) (A) Where should we meet until then? (B) It's in London this year. (C) At three o'clock on Tuesday.</p>	<p>39. Sẽ mất 2 tháng để tân trang lại phòng hội nghị.</p> <p>(A) Từ giờ đến đó thì chúng ta nên họp ở đâu? (B) Năm nay là ở Luân Đôn. (C) Vào lúc 3 giờ thứ Ba.</p>

<p>40.</p> <p>(W-Am) Shouldn't we ask for volunteer to organize the party?</p> <p>(W-Br) (A) That would make it easier. (B) No, not very organized. (C) Thanks – it was a great party.</p>	<p>40.</p> <p>Chúng ta có nên nhờ tình nguyện viên để tổ chức bữa tiệc không?</p> <p>(A) Điều đó sẽ giúp việc tổ chức dễ dàng hơn. (B) Không, không có tổ chức cho lắm. (C) Cảm ơn bạn – Đó là một bữa tiệc tuyệt vời.</p>
---	---